

# ĐẶC ĐIỂM NGƯỜI DÂN TẬP LUYỆN THỂ DỤC THỂ THAO THƯỜNG XUYÊN TẠI MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Đỗ Hữu Trường\*, Mai Thị Bích Ngọc\*\*  
Ngô Thị Như Thơ\*\*\*, Lê Thị Tuyết Thương\*\*\*\*

## Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy khảo sát thực trạng đặc điểm người dân tập luyện TDTT thường xuyên tại miền núi phía Bắc (đại diện là Hà Giang và Sơn La) trên cơ sở đặc điểm thông tin cá nhân, đặc điểm thói quen tập luyện TDTT, làm cơ sở đề xuất giải pháp và xây dựng mô hình phát triển TDTT quần chúng khu vực miền núi tại Việt Nam.

**Từ khóa:** TDTT quần chúng, tập luyện TDTT thường xuyên, miền núi phía Bắc, Hà Giang, Sơn La...

## Characteristics of people exercising regularly in the Northern mountainous area

### Summary:

Using regular scientific research methods to survey the current situation of the characteristics of people practicing sports regularly in the Northern mountainous area (represented by Ha Giang and Son La) on the basis of personal information characteristics, exercising and practicing sports habit characteristics, as a basis for proposing solutions and building models of mass sports development in mountainous areas in Vietnam.

**Keywords:** Mass sports, exercise and practice sports regularly, Northern mountainous area, Ha Giang, Son La...

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Miền núi phía Bắc gồm 14 tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình. Trung tâm vùng là Thành phố Thái Nguyên, là vùng lãnh thổ có diện tích lớn nhất nước ta 100.965 km<sup>2</sup>, chiếm khoảng 28,6 % diện tích cả nước. Miền núi phía Bắc còn nhiều khó khăn về phát triển kinh tế so với các vùng khác trong cả nước, có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, đặc điểm dân tộc và văn hóa cũng như đặc điểm địa lý và khí hậu khác hẳn so với vùng đồng bằng. Đây cũng là vùng được Đảng, Nhà nước quan tâm và có nhiều chế độ chính sách hỗ trợ về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, trong đó có TDTT.

Do đặc điểm sống, sinh hoạt và tập quán văn hóa khác so với vùng đồng bằng nên việc phát triển TDTT quần chúng ở vùng miền núi nói chung và đặc điểm người dân tập luyện TDTT thường xuyên nói riêng cũng sẽ có nhiều đặc

điểm khác biệt... Chính vì vậy, để có căn cứ đề xuất giải pháp và xây dựng mô hình phát triển TDTT quần chúng khu vực miền núi phía Bắc nước ta, chúng tôi tiến hành khảo sát: Đặc điểm người dân tập luyện TDTT thường xuyên tại miền núi phía Bắc.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp quan sát sự phạm, phương pháp điều tra xã hội học và phương pháp toán học thống kê.

Khảo sát được tiến hành tại 1 tỉnh thuộc Đông Bắc – tỉnh Hà Giang (với đặc trưng địa lý là vùng núi và trung du với nhiều khối núi và dãy núi đá vôi hoặc núi đất, đồng bằng nhỏ hẹp, có gần 30 dân tộc thiểu số sinh sống và đặc trưng là dân tộc Mông, Tày, Thái, Dao, Phù Lá, Lô Lô, Pu Péo, Sán Dìu ...) và 1 tỉnh thuộc Tây Bắc - Tỉnh Sơn La (địa hình hiểm trở, có nhiều khối núi và dãy núi cao chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, có khoảng 20 dân tộc sinh

\*PGS.TS, \*\*TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

\*\*\*ThS, Trường Đại học Vinh

\*\*\*\*CN, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

## BÀI BÁO KHOA HỌC

sống, đa số là người Thái, ngoài ra có H'Mông, Dao, Tày, Kinh, Nùng...).

Số lượng mẫu khảo sát: 1086 người, trong đó có 492 người thuộc tỉnh Hà Giang (255 nam và 237 nữ); 584 người thuộc tỉnh Sơn La (327 nam và 267 nữ).

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

#### 1. Đặc điểm đối tượng khảo sát

Tiến hành khảo sát 1086 người dân tỉnh Hà Giang và Sơn La về thói quen tập luyện TDDT, trong đó có 492 người thuộc tỉnh Hà Giang; 594 người thuộc tỉnh Sơn La. Đặc điểm đối tượng khảo sát được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: Đặc điểm đối tượng khảo sát là tương đối đồng đều và đảm bảo tính chất mẫu. Cụ thể:

Về giới tính: Đối khảo sát phân bố tương đối cân đối về giới tính (gần 50% là nữ)

Về tình trạng hôn nhân: 24% số người độc thân (bao gồm chưa lập gia đình, ly hôn, góa...). Con số này tương đương với đặc điểm lứa tuổi với tổng số 27.72% số người 6-24 tuổi và 13.81% số người trên tuổi 65.

Về lứa tuổi khảo sát: Độ tuổi của đối tượng khảo sát tương đối đồng đều, trừ lứa tuổi trên 65 với 13.81% (những người cao tuổi), các nhóm tuổi còn lại đảm bảo cân đối và dao động từ 18-27%. Đồng nhất là lứa tuổi từ 6-24 với 27.72% tổng số người khảo sát (có khoảng dao động tuổi lớn nhất và đối tượng có cùng tính chất - học sinh, sinh viên).

Về đặc điểm nghề nghiệp: Tương tự như độ

**Bảng 1. Đặc điểm cá nhân của đối tượng khảo sát (n=1086)**

Đặc điểm	Phân loại	Hà Giang (n=492)		Sơn La (n=594)		Tổng (n=1086)		Thứ tự
		m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%	
Giới tính	Nam	255	51.83	327	55.05	582	53.59	1
	Nữ	237	48.17	267	44.95	504	46.41	2
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	117	23.78	146	24.58	263	24.22	2
	Có gia đình	375	76.22	448	75.42	823	75.78	1
Lứa tuổi	6-24 tuổi	132	26.83	169	28.45	301	27.72	1
	25-34 tuổi	90	18.29	115	19.36	205	18.88	4
	35-54 tuổi	100	20.33	108	18.18	208	19.15	3
	55-64 tuổi	103	20.93	119	20.03	222	20.44	2
	Từ 65 tuổi trở lên	67	13.62	83	13.97	150	13.81	5
Nghề nghiệp	Học sinh, sinh viên	75	15.24	115	19.36	190	17.5	3
	Nông nghiệp	178	36.18	192	32.32	370	34.07	1
	Công nhân viên chức nhà nước	41	8.33	57	9.6	98	9.02	4
	Kinh doanh	36	7.32	55	9.26	91	8.38	5
	Lao động tự do	134	27.24	145	24.41	279	25.69	2
	Hưu trí, mất sức lao động	27	5.49	30	5.05	57	5.25	6
Thu nhập bình quân/tháng	Phụ thuộc (không có thu nhập)	64	13.01	83	13.97	147	13.54	4
	Dưới 1 triệu đồng/tháng	20	4.07	30	5.05	50	4.6	6
	Từ 1-2 triệu đồng/tháng	44	8.94	48	8.08	92	8.47	5
	Từ 2-3 triệu đồng/tháng	74	15.04	107	18.01	181	16.67	2
	Từ 3-5 triệu đồng/tháng	202	41.06	220	37.04	422	38.86	1
	Từ 5-10 triệu đồng/tháng	69	14.02	89	14.98	158	14.55	3
	Trên 10 triệu đồng/tháng	20	4.07	18	3.03	38	3.5	7



**Miền núi phía Bắc, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, đặc điểm dân tộc và văn hóa cũng như đặc điểm địa lý và khí hậu khác hẳn so với vùng đồng bằng nên cần tận dụng tối đa các đặc điểm để phát triển thể thao quần chúng (phát triển thể thao dân tộc)**

tuổi, đặc điểm nghề nghiệp của đối tượng khảo sát phản ánh tương đối sát thực trạng phân bố nghề nghiệp ở khu vực khảo sát với nghề nông nghiệp chiếm đa số (34.07% tổng đối tượng khảo sát); tiếp đó là lao động tự do (chiếm 25.69%) và học sinh, sinh viên (chiếm 17.50%, ít hơn rất nhiều so với lứa tuổi học sinh, sinh viên với gần 28% tổng số lượng khảo sát). Các nhóm khác chiếm tỷ lệ tương đối cân đối.

Về đặc điểm thu nhập bình quân/ tháng: Nhóm chiếm đa số là thu nhập từ 3-5 triệu đồng/tháng (chiếm 38.86% tổng số lượng khảo sát), đứng thứ hai là thu nhập 2-3 triệu đồng/tháng (chiếm 16.67% tổng số lượng khảo sát), tỷ lệ người có thu nhập bình quân 5-10 triệu đồng/tháng chiếm 14.55% và trên 10 triệu đồng/tháng chiếm 3.50%. Như vậy, so với thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam năm 2018 là 2.587USD/năm, tương đương 4.834 triệu

đồng/tháng [2] thì thu nhập của người dân khu vực miền núi phía Bắc thuộc nhóm đối tượng khảo sát thuộc mức thấp.

## **2. Đặc điểm cá nhân người dân tập luyện thể dục thể thao thường xuyên khu vực miền núi phía Bắc**

Đánh giá mức độ tập luyện TDTT theo tiêu chí:

Tập luyện TDTT thường xuyên: Tập từ 3 buổi/ tuần trở lên, mỗi buổi từ 30 phút, thời gian liên tục trong 6 tháng;

Thỉnh thoảng (Tập luyện TDTT không thường xuyên): Mỗi tuần trung bình tập ít nhất 1 buổi, mỗi buổi ít nhất 20 phút;

Không tập: Tập luyện ít hơn mức thỉnh thoảng.

Kết quả khảo sát tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: Tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên khu vực miền núi phía Bắc đạt được trung bình là 22.84%, trong

**Bảng 2. Kết quả khảo sát tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên của người dân miền núi phía Bắc (n=1086)**

Mức độ tập luyện	Hà Giang (n=492)		Sơn La (n=594)		Tổng (n=1086)	
	m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%
Tập luyện thường xuyên	115	23.37	133	22.39	248	22.84
Thỉnh thoảng	174	35.37	244	41.08	418	38.49
Không tập	203	41.26	217	36.53	420	38.67

## BÀI BÁO KHOA HỌC

đó tại tỉnh Hà Giang đạt được là 23.37% và của tỉnh Sơn La thấp hơn một chút là 22.39%. Tuy nhiên, nếu so sánh chung với tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên năm 2018 tại Việt Nam theo báo cáo của Vụ thể thao quần chúng, Tổng cục TDTT là 32.53% (tăng 1.15% so với năm 2017) [1] thì tỷ lệ này còn quá khiêm tốn.

Khảo sát chi tiết về đặc điểm người dân tập luyện TDTT thường xuyên cho thấy khu vực miền núi phía Bắc được trình bày tại bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy:

Về giới tính: Nếu như đối tượng khảo sát tương đối đồng đều về giới tính thì thực trạng

phân bố giới tính của người dân tập luyện TDTT thường xuyên tại khu vực miền núi phía Bắc lại có tỷ lệ nam tới gần 70%. Như vậy, có thể khẳng định, ở khu vực này, nam giới tập luyện TDTT thường xuyên hơn và nhiều hơn so với nữ giới.

Về tình trạng hôn nhân: Nếu như đặc điểm mẫu khảo sát có hơn 75% đối tượng có gia đình thì đối tượng tập luyện TDTT thường xuyên chỉ có 67.74% tổng tỷ lệ có gia đình. Như vậy, có thể thấy, xu hướng là tỷ lệ những người độc thân tham gia tập luyện TDTT thường xuyên cao hơn so với những người có gia đình.

Về lứa tuổi: Tỷ lệ người dân tập luyện TDTT

**Bảng 3. Đặc điểm nhân khẩu học người dân tập luyện TDTT thường xuyên khu vực miền núi phía Bắc (n=248)**

Đặc điểm	Phân loại	Hà Giang (n=115)		Sơn La (n=133)		Tổng (n=248)		Thứ tự
		m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%	
Giới tính	Nam	78	67.83	89	66.92	167	67.34	1
	Nữ	37	32.17	44	33.08	81	32.66	2
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	38	33.04	42	31.58	80	32.26	2
	Có gia đình	77	66.96	91	68.42	168	67.74	1
Lứa tuổi	6-24 tuổi	23	20.3	26	19.6	49	19.76	3
	25-34 tuổi	26	22.6	31	23.5	57	22.98	2
	35-54 tuổi	16	13.8	17	12.8	33	13.31	4
	55-64 tuổi	36	31.2	43	32.4	79	31.85	1
	Từ 65 tuổi trở lên	14	12.1	16	11.7	30	12.1	5
Nghề nghiệp	Học sinh, sinh viên	17	14.78	19	14.29	36	14.52	4
	Nông nghiệp	14	12.17	11	8.27	25	10.08	6
	Công nhân viên chức nhà nước	33	28.7	31	23.31	64	25.81	1
	Kinh doanh	18	15.65	19	14.29	37	14.92	3
	Lao động tự do	13	11.3	14	10.53	27	10.89	5
	Hưu trí, mất sức lao động	20	17.39	39	29.32	59	23.79	2
Thu nhập bình quân/tháng	Phụ thuộc (không có thu nhập)	13	11.3	15	11.28	28	11.29	4
	Dưới 1 triệu đồng/tháng	5	4.35	8	6.02	13	5.24	6
	Từ 1-2 triệu đồng/tháng	11	9.57	14	10.53	25	10.08	5
	Từ 2-3 triệu đồng/tháng	24	20.87	25	18.8	49	19.76	2
	Từ 3-5 triệu đồng/tháng	22	19.13	23	17.29	45	18.15	3
	Từ 5-10 triệu đồng/tháng	36	31.3	41	30.83	77	31.05	1
	Trên 10 triệu đồng/tháng	4	3.48	7	5.26	11	4.44	7





**Đại hội Thể dục thể thao huyện biên giới Vị Xuyên (Hà Giang) lần thứ VI - 2017 với chủ đề “Vị Xuyên đoàn kết, hội nhập và phát triển” với sự tham dự của 24 đoàn, gần 1.000 vận động viên đến từ các xã, thị trấn trên địa bàn huyện**

thường xuyên ở khu vực này cao nhất là lứa tuổi 55-64 tuổi, sau đó tới 25-34 tuổi và 6-24 tuổi. Ít nhất là tỷ lệ người trên 65 tuổi (chiếm 12.10% số người tập thường xuyên), tuy nhiên, nếu so sánh với đặc điểm đối tượng khảo sát với 13.81% số người trên 65 tuổi thì đối tượng này lại có tỷ lệ tập luyện TDTT thường xuyên cao nhất.

Về nghề nghiệp: Đối tượng tập luyện TDTT nhiều nhất là công nhân viên chức nhà nước, sau đó tới người hưu trí, mất sức lao động, tiếp đến là người kinh doanh. Đây là nhóm có tỷ lệ ít trong số đối tượng khảo sát. Nếu như tỷ lệ khảo sát đồng nhất là nông nghiệp với 34.07% tổng đối tượng khảo sát thì tỷ lệ tập luyện TDTT thường xuyên thuộc ngành nghề nông nghiệp chỉ chiếm 10.08%. Như vậy có thể thấy nhóm đối tượng nghề nông nghiệp này có tỷ lệ tham gia tập luyện TDTT thường xuyên thấp nhất.

Về thu nhập bình quân/ tháng: Xu hướng chung là những người có thu nhập cao hơn tập luyện TDTT thường xuyên hơn. Có tới 31.05% số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên có thu nhập từ 5-10 triệu đồng/ tháng (phần lớn rơi vào đối tượng công nhân viên chức nhà nước, kinh doanh...). Những người có thu nhập bình quân dưới 2 triệu đồng có tỷ lệ tham gia tập luyện TDTT thường xuyên thấp.

### **KẾT LUẬN**

1. Đặc điểm đối tượng khảo sát người dân tập luyện TDTT thường xuyên là tương đối đồng đều giữa các nhóm đối tượng và đảm bảo tính chất mẫu.

2. Tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên khu vực miền núi phía Bắc thấp hơn nhiều so với tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên của Việt Nam theo thống kê của Vụ Thể thao quần chúng.

3. Người dân tập luyện TDTT thường xuyên ở miền núi phía Bắc có tỷ lệ nam nhiều hơn nữ; nhiều nhất là lứa tuổi 55-64 tuổi, sau đó tới 25-34 tuổi và 6-24 tuổi; Đối tượng tập luyện TDTT nhiều nhất là công nhân viên chức nhà nước, sau đó tới người hưu trí, mất sức lao động, tiếp đến là người kinh doanh; Xu hướng chung là những người có thu nhập cao hơn tập luyện TDTT thường xuyên hơn.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. <http://www.tdtt.gov.vn/tabid/57/ArticleID/24574/Default.aspx?returnUrl=http://www.tdtt.gov.vn/tabid/36/Default.aspx>.

2. <http://vneconomy.vn/thu-nhap-binh-quan-dau-nguoi-nam-2018-dat-2587-usd-2018122715235412.htm>.